

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	5 – 37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 37

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **27.000.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 37).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	Đại diện pháp luật của Công ty
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên	
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên	

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Vinh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/9/2015
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/6/2015
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2016

TM. Ban lãnh đạo

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long, được lập ngày 10 tháng 5 năm 2016, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2016

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.766.046.848	80.774.987.007
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.304.474.907	7.682.501.337
1.	Tiền	111	V.01	5.304.474.907	3.932.501.337
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	3.750.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.127.027.187	21.622.312.672
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	26.780.578.092	17.486.913.444
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.919.258.761	1.618.308.899
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.427.190.334	2.517.090.329
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	50.057.467.326	51.224.238.412
1.	Hàng tồn kho	141		50.057.467.326	51.224.238.412
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		277.077.428	245.934.586
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	96.260.021	145.209.569
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.908.521	82.721.822
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	178.908.886	18.003.195
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.796.145.122	24.921.676.523
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		3.794.380.000	291.880.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		44.380.000	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	3.750.000.000	291.880.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		13.952.341.946	9.829.275.774
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	13.917.827.691	9.784.876.291
	- Nguyên giá	222		49.460.083.285	45.420.970.195
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.542.255.594)	(35.636.093.904)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	34.514.255	44.399.483
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(60.485.745)	(50.600.517)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	7.144.297.448	7.474.754.480
1.	Nguyên giá	231		8.261.425.803	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1.117.128.355)	(786.671.323)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	2.224.469.373	2.986.741.866
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.224.469.373	2.986.741.866
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.200.000.000	1.200.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.480.656.355	3.139.024.403
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.480.656.355	3.139.024.403
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		121.562.191.970	105.696.663.530

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		90.259.918.988	75.065.265.241
I.	Nợ ngắn hạn	310		87.237.424.844	70.484.882.519
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.574.881.496	402.240.138
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.999.166.810	13.575.976.957
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.605.455.787	6.043.243.812
4.	Phải trả người lao động	314		601.250.995	673.967.123
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	500.400.000	181.414.382
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	708.841.020	2.565.964.582
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	62.245.857.983	47.024.054.772
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.570.753	18.020.753
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		3.022.494.144	4.580.382.722
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	509.488.387	509.488.387
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	-	17.782.142
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	2.513.005.757	4.053.112.193
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.302.272.982	30.631.398.289
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	31.302.272.982	30.600.238.289
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.826.517.521	2.124.482.828
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		21.161.652	221.161.651
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.805.355.869	1.903.321.177
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	-	31.160.000
1.	Nguồn kinh phí	431		-	31.160.000
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		121.562.191.970	105.696.663.530

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2016

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	84.002.250.409	77.812.575.975
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	616.853.498	1.673.135.409
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.385.396.911	76.139.440.566
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	66.074.190.680	57.829.816.223
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.311.206.231	18.309.624.343
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	95.008.267	207.101.990
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	5.790.047.095	6.360.449.886
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.789.138.015	6.360.449.886
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	3.850.877.496	4.484.193.907
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	4.961.600.125	6.965.635.055
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.803.689.782	706.447.485
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.006.203.788	1.824.256.793
13.	Chi phí khác	32	VI.07	166.361.116	63.472.000
14.	Lợi nhuận khác	40		839.842.672	1.760.784.793
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.643.532.454	2.467.232.278
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	838.176.585	563.911.101
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.805.355.869	1.903.321.177
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.805.355.869	1.903.321.177
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.039	526
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.039	526

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2016

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		92.966.254.962	100.781.868.148
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(63.995.601.776)	(52.850.796.981)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.032.119.708)	(8.654.456.791)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(5.876.400.605)	(6.180.342.546)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.010.249.116)	(303.296.791)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		53.233.940	1.387.634.069
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.341.783.481)	(19.232.175.432)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.236.665.784)	14.948.433.676
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.367.156.597)	(5.993.421.980)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.069.090.909	2.099.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		95.008.267	204.337.189
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.203.057.421)	(3.690.084.791)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		81.743.398.466	65.502.092.638
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(68.061.701.691)	(75.730.563.763)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.620.000.000)	(1.215.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.061.696.775	(11.443.471.125)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.378.026.430)	(185.122.240)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.682.501.337	7.867.623.577
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		5.304.474.907	7.682.501.337

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 3 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số các công ty con: 02 công ty.

Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	25 năm
-----------	--------

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.287.945.683	1.736.136.282
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.016.529.224	2.196.365.055
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>5.304.474.907</u>	<u>3.932.501.337</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào đơn vị khác	1.200.000.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Rượu Hapro ^(a)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long ^(b)	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000
Cộng	1.200.000.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000

^(a): Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 100.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rượu Hapro.

^(b): Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty nắm giữ 20.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,76% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	26.780.578.092	17.486.913.444
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	3.395.753.496	3.148.100.726
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nông sản và Du lịch Thanh Hoá	2.205.834.683	797.818.128
- Bà Vương Thị Thanh Hà	2.624.999.850	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	18.553.990.063	13.540.994.590
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	26.780.578.092	17.486.913.444

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	3.427.190.334	-	2.517.090.329	-
- Tạm ứng	1.590.428.217	-	848.319.890	-
- Phải thu khác	1.836.762.117	-	1.668.770.439	-
b. Dài hạn	3.750.000.000	-	291.880.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.750.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	291.880.000	-
Cộng	7.177.190.334	-	2.808.970.329	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.942.074.624	-	5.029.126.218	-
- Công cụ, dụng cụ	585.435.287	-	631.320.821	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.875.568.411	-	33.802.196.943	-
- Thành phẩm	6.294.781.798	-	7.289.168.421	-
- Hàng hoá	1.197.956.682	-	1.045.552.728	-
- Hàng gửi bán	3.161.650.524	-	3.426.873.281	-
Cộng	50.057.467.326	-	51.224.238.412	-

06. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.224.469.373	2.986.741.866
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	2.224.469.373	2.986.741.866
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
+ Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	321.118.318	182.071.721
+ Công trình 323 Vĩnh Hưng	-	901.319.090
Cộng	2.224.469.373	2.986.741.866

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG
Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.454.595.277	28.459.895.758	2.510.517.690	349.239.818	1.646.721.652	45.420.970.195
- Mua trong năm	-	4.533.158.000	394.952.000	-	300.000.000	5.228.110.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	901.319.090	-	-	-	-	901.319.090
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.090.316.000)	-	-	-	(2.090.316.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	13.355.914.367	30.902.737.758	2.905.469.690	349.239.818	1.946.721.652	49.460.083.285
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.295.001.125	23.615.055.288	1.316.569.189	340.883.820	1.068.584.482	35.636.093.904
- Khấu hao trong năm	356.797.358	1.229.516.681	214.961.300	9.248.124	117.067.106	1.927.590.569
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phán loại lại	27.524.956	-	(581.094)	(26.943.862)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.021.428.879)	-	-	-	(2.021.428.879)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9.679.323.439	22.823.143.090	1.530.949.395	323.188.082	1.185.651.588	35.542.255.594

III. Giá trị còn lại

1. Tại ngày đầu năm	3.159.594.152	4.844.840.470	1.193.948.501	8.355.998	578.137.170	9.784.876.291
2. Tại ngày cuối năm	3.676.590.928	8.079.594.668	1.374.520.295	26.051.736	761.070.064	13.917.827.691

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 20.597.452.172 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 18.457.192.700 đồng và 2.876.414.709 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	60.000.000	35.000.000	95.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	60.000.000	105.000.000	95.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	40.258.513	10.342.004	50.600.517
- Khấu hao trong năm	5.510.232	4.374.996	9.885.228
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	45.768.745	84.717.000	60.485.745
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	19.741.487	24.657.996	44.399.483
2. Tại ngày cuối năm	14.231.255	20.283.000	34.514.255

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư				
	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
	786.671.323	330.457.032	-	1.117.128.355
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	786.671.323	330.457.032	-	1.117.128.355
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
	7.474.754.480	-	330.457.032	7.144.297.448
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.474.754.480	-	330.457.032	7.144.297.448
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	96.260.021	145.209.569
- Giá trị còn lại của công cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	23.564.568
- Phí bảo hiểm	71.623.621	100.020.001
- Các khoản khác	24.636.400	21.625.000
b. Dài hạn	3.480.656.355	3.139.024.403
- Giá trị còn lại của công cụ xuất dùng chờ phân bổ	267.767.962	516.829.205
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.559.141.518	2.622.195.198
- Chi phí sửa chữa	401.746.875	-
- Chi phí khác	252.000.000	-
Cộng	3.576.916.376	3.284.233.972

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11. Vay và nợ thuê tài chính						
a. Vay ngắn hạn	47.024.054.772	47.024.054.772	80.759.218.302	65.537.415.091	62.245.857.983	62.245.857.983
- Vay ngân hàng	29.239.711.319	29.239.711.319	55.429.851.212	44.117.778.155	40.551.784.376	40.551.784.376
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ (a)	9.366.190.136	9.366.190.136	9.345.737.927	10.566.190.136	8.145.737.927	8.145.737.927
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (b)	5.599.625.183	5.599.625.183	23.788.621.879	15.199.886.019	14.188.361.043	14.188.361.043
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (c)	14.273.896.000	14.273.896.000	22.295.491.406	18.351.702.000	18.217.685.406	18.217.685.406
- Vay đối tượng khác	17.784.343.453	17.784.343.453	24.353.547.254	21.419.636.936	20.718.253.771	20.718.253.771
+ Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-
+ Các cá nhân (d)	14.784.343.453	14.784.343.453	24.353.547.254	18.419.636.936	20.718.253.771	20.718.253.771
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	975.819.836	-	975.819.836	975.819.836
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (e)	-	-	583.819.836	-	583.819.836	583.819.836
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn (f)	-	-	392.000.000	-	392.000.000	392.000.000
b. Vay dài hạn	4.053.112.193	4.053.112.193	1.960.000.000	3.500.106.436	2.513.005.757	2.513.005.757
Từ 1 năm đến 5 năm	4.053.112.193	4.053.112.193	1.960.000.000	3.500.106.436	2.513.005.757	2.513.005.757
- Vay ngân hàng	4.053.112.193	4.053.112.193	1.960.000.000	3.500.106.436	2.513.005.757	2.513.005.757
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở GD 1	1.842.466.064	1.842.466.064	-	1.842.466.064	-	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (e)	2.210.646.129	2.210.646.129	-	1.167.640.372	1.043.005.757	1.043.005.757
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn (f)	-	-	1.960.000.000	490.000.000	1.470.000.000	1.470.000.000
Cộng	51.077.166.965	51.077.166.965	82.719.218.302	69.037.521.527	64.758.863.740	64.758.863.740

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 03 xe ô tô 03 xe nâng hàng, 108 tank inox, hợp đồng tiền gửi, 58 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8a phố Đặng Tất, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (d) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 9%/năm đến 10%/năm.
- (e) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua Tank và ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm - 9,6%/năm.
- (f) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng máy chiết rót rượu vào chai, lãi suất cố định 8,27%/năm.

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
a. Phải trả người bán ngắn hạn	2.574.881.496	2.574.881.496	402.240.138	402.240.138
- Công ty TNHH thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải phòng	2.266.127.325	2.266.127.325	-	-
- Phải trả đối tượng khác	308.754.171	308.754.171	402.240.138	402.240.138
b. Phải trả người bán dài hạn	509.488.387	509.488.387	509.488.387	509.488.387
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng & Công trình Kiến trúc Hà Nội	443.786.433	443.786.433	443.786.433	443.786.433
- Phải trả đối tượng khác	65.701.954	65.701.954	65.701.954	65.701.954
Cộng	3.084.369.883	3.084.369.883	911.728.525	911.728.525

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG
Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	818.269	2.100.462.863	4.078.722.221	5.940.930.002	-	237.436.813
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.459.529.412	11.148.105.013	7.742.410.945	-	6.865.223.480
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.184.926	455.711.356	838.176.585	1.010.249.116	178.908.886	445.362.785
- Thuế thu nhập cá nhân	-	27.540.181	219.669.835	189.777.307	-	57.432.709
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.118.848.531	3.118.848.531	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	1.500.000	1.500.000	-	-
Cộng	18.003.195	6.043.243.812	19.412.022.185	18.010.715.901	178.908.886	7.605.455.787

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	500.400.000	181.414.382
- Chi phí lãi vay	56.000.000	70.814.382
- Chi phí phải trả khác	444.400.000	110.600.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	500.400.000	181.414.382

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	708.841.020	2.565.964.582
- Kinh phí công đoàn	59.946.983	138.727.454
- Bảo hiểm xã hội	59.720.011	1.573.200
- Bảo hiểm y tế	43.501.492	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	20.155.355	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	525.517.179	2.425.663.928
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền hỗ trợ vốn bán hàng bình ổn giá</i>	-	2.000.000.000
+ <i>Lãi vay phải trả</i>	36.788.750	109.292.958
+ <i>Các đối tượng khác</i>	488.728.429	316.370.970
b. Dài hạn	-	17.782.142
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	17.782.142
Cộng	708.841.020	2.583.746.724

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.863.277.098	1.436.161.651	30.299.438.749
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	1.903.321.177	1.903.321.177
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.215.000.000)	(1.215.000.000)
Giảm khác	-	(387.521.637)	-	(387.521.637)
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289
Số dư đầu năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	2.805.355.869	2.805.355.869
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.103.321.176)	(2.103.321.176)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.826.517.521	31.302.272.982

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3, ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	10.800.000.000	40	10.800.000.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	16.200.000.000	60	16.200.000.000	60
Cộng	27.000.000.000	100	27.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.620.000.000	1.215.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
Cộng	1.475.755.461	1.475.755.461

17. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	31.160.000	89.060.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	(31.160.000)	(57.900.000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	31.160.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Đơn vị tính: VND*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	36.862.818.342	23.616.717.650
- Doanh thu bán thành phẩm	43.914.803.106	48.628.110.829
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.433.013.799
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.224.628.961	2.134.733.697
Cộng	<u>84.002.250.409</u>	<u>77.812.575.975</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	522.708.825	697.632.167
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	94.144.673	975.503.242
Cộng	<u>616.853.498</u>	<u>1.673.135.409</u>

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.962.310.212	23.014.621.493
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	35.696.316.021	31.583.319.669
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	2.801.387.112
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	415.564.447	430.487.949
Cộng	<u>66.074.190.680</u>	<u>57.829.816.223</u>

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	95.008.267	204.337.189
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	2.764.801
Cộng	<u>95.008.267</u>	<u>207.101.990</u>

05. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	5.789.138.015	6.360.449.886
- Chi phí tài chính khác	909.080	-
Cộng	<u>5.790.047.095</u>	<u>6.360.449.886</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.000.203.788	1.778.363.636
- Các khoản khác	6.000.000	45.893.157
Cộng	1.006.203.788	1.824.256.793

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt hành chính	166.361.116	-
- Các khoản khác	-	63.472.000
Cộng	166.361.116	63.472.000

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	4.961.600.125	6.965.635.055
- Chi phí nhân viên quản lý	2.412.664.099	4.412.836.207
- Chi phí vật liệu quản lý	-	490.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	189.566.061	231.935.434
- Chi phí khấu hao TSCĐ	252.580.473	263.005.934
- Thuế, phí và lệ phí	1.515.713.160	949.571.479
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.774.068	245.622.197
- Chi phí dự phòng	-	165.639.036
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	394.302.264	696.534.768
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	3.850.877.496	4.484.193.907
- Chi phí nhân viên	1.594.888.195	506.509.484
- Chi phí khấu hao TSCĐ	213.048.256	139.744.983
- Chi phí khuyến mại	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	987.637.289	2.486.071.863
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1.055.303.756	1.351.867.577
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	8.812.477.621	11.449.828.962

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	838.176.585	563.911.101
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	838.176.585	563.911.101

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.805.355.869	1.903.321.177
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.805.355.869	1.903.321.177
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	483.321.177
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.039</u>	<u>526</u>

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.805.355.869	1.903.321.177
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.805.355.869	1.903.321.177
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	483.321.177
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.039</u>	<u>526</u>

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.239.699.570	18.816.559.701
- Chi phí nhân công	10.853.075.749	11.452.378.998
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.267.932.829	2.076.628.149
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.314.805.730	4.902.041.867
- Chi phí khác bằng tiền	4.327.829.056	4.600.760.898
Cộng	<u>44.003.342.934</u>	<u>41.848.369.613</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	638.187.455	954.550.591
Cộng	638.187.455	954.550.591

03. Thay đổi chính sách kế toán

Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Điều chỉnh hồi tố

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến 31 tháng 3 năm 2015 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	705	179	526

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất rượu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	43.879.153.895	36.281.614.055	3.224.628.961	83.385.396.911
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	43.282.175.153	36.078.128.945	1.221.403.031	80.581.707.129
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	596.978.742	203.485.110	2.003.225.930	2.803.689.782
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.129.429.090	-	-	6.129.429.090
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.254.813.502	223.380.943	367.166.576	2.845.361.021
Số dư cuối năm nay				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	75.337.911.562	28.243.142.575	11.476.662.926	115.057.717.063
- Tài sản không phân bổ				6.504.474.907
Tổng tài sản	75.337.911.562	28.243.142.575	11.476.662.926	121.562.191.970
- Nợ phải trả bộ phận	60.419.519.405	25.488.342.350	4.350.486.480	90.258.348.235
- Nợ phải trả không phân bổ				1.570.753
Tổng nợ phải trả	60.419.519.405	25.488.342.350	4.350.486.480	90.259.918.988

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG
Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất rượu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	46.989.367.187	23.582.325.883	3.433.013.799	2.134.733.697	76.139.440.566
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	42.447.099.792	28.466.774.151	3.595.088.098	924.031.040	75.432.993.081
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.542.267.395	(4.884.448.268)	(162.074.299)	1.210.702.657	706.447.485
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	5.688.854.691	384.911.883	10.645.368	55.363.584	6.139.775.526
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.975.477.913	301.034.369	63.734.704	330.457.032	2.670.704.018
Số dư cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	75.736.045.456	9.854.754.168	1.282.405.741	8.272.186.389	95.145.391.754
- Tài sản không phân bổ					10.551.271.776
Tổng tài sản	72.689.670.333	9.461.071.669	1.781.725.502	10.096.949.678	105.696.663.530
- Nợ phải trả bộ phận	46.315.319.647	23.244.044.913	3.383.768.307	2.104.111.621	75.047.244.488
- Nợ phải trả không phân bổ					18.020.753
Tổng nợ phải trả	46.315.319.647	23.244.044.913	3.383.768.307	2.104.111.621	75.065.265.241

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG
Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.304.474.907	-	7.682.501.337	-	5.304.474.907	7.682.501.337
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.617.340.209	-	17.778.793.444	-	28.617.340.209	17.778.793.444
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	35.121.815.116	-	26.661.294.781	-	35.121.815.116	26.661.294.781

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	3.084.369.883	911.728.525	3.084.369.883	911.728.525
Vay và nợ	64.758.863.740	51.077.166.965	64.758.863.740	51.077.166.965
Chi phí phải trả	500.400.000	181.414.382	500.400.000	181.414.382
Các khoản phải trả khác	525.517.179	2.443.446.070	525.517.179	2.443.446.070
Cộng	68.869.150.802	54.613.755.942	68.869.150.802	54.613.755.942

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	2.574.881.496	509.488.387	-	3.084.369.883
Vay và nợ	62.245.857.983	2.513.005.757	-	64.758.863.740
Chi phí phải trả	500.400.000	-	-	500.400.000
Các khoản phải trả khác	525.517.179	-	-	525.517.179
Cộng	65.846.656.658	3.022.494.144	-	68.869.150.802
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	402.240.138	509.488.387	-	911.728.525
Vay và nợ	47.024.054.772	4.053.112.193	-	51.077.166.965
Chi phí phải trả	181.414.382	-	-	181.414.382
Các khoản phải trả khác	2.425.663.928	17.782.142	-	2.443.446.070
Cộng	50.033.373.220	4.580.382.722	-	54.613.755.942

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

Trên Bảng cân đối kế toán:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/4/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC kết thúc tại ngày 31/3/2015		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC kết thúc tại ngày 31/3/2016	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	848.319.890	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Trả trước cho người bán dài hạn	291.880.000	Phải thu dài hạn khác	218	Trả trước cho người bán dài hạn	212
3	Quỹ dự phòng tài chính	1.475.755.461	Quỹ dự phòng tài chính	418	Quỹ đầu tư phát triển	418

Trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, chi tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu” không bao gồm các khoản thuế gián thu, phí mà doanh nghiệp không được hưởng phải nộp ngân sách nhà nước. Vì vậy, các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt của Công ty được trình bày giảm vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Số liệu điều chỉnh lại như sau:

STT	Nội dung	Mã số	Số liệu theo BCTC hợp nhất kết thúc tại ngày 31/3/2015	Số liệu trên BCTC hợp nhất kết thúc tại ngày 31/3/2016	Chênh lệch
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	88.319.689.818	77.812.575.975	(10.507.113.843)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12.180.249.252	1.673.135.409	(10.507.113.843)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2016

Người lập biểu

Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng

Trần Thị Hoàng Liên

Chủ tịch HĐQT

Phạm Xuân Hà